

【9】Danh sách địa điểm trông trẻ

Khu vực Matsudo, Yakiri, Kitamatsudo, Wanagaya

- Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.
○ Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.
○ Đây là danh sách tại thời điểm ngày 6 tháng 10 năm 2025. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ
<Phân loại> 「Công lập」Tp Matsudo lập 「Pháp nhân」Do trường học hoặc tổ chức phúc lợi xã hội lập 「Doanh nghiệp」Công ty cổ phần hoặc TNHH lập 「NPO」Do tổ chức phi lợi nhuận lập 「Cá nhân」Cá nhân lập
<Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi sẽ được tính theo tuổi tại thời điểm ngày 1 tháng 4 của năm đăng ký)
<Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu(※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.
<Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ

Cơ sở giữ trẻ công lập

Khu vực Matsudo, Yakiri, Kitamatsudo, Wanagaya

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
1	Kita Matsudo Hoikusho						Công lập	Kamihongo 3870		362-8282	
6 tháng ~ 5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 6 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
15	Nijyuuisseiki Gaoka Hoikusho						Công lập	Nijyuuisseiki Gaoka Toyamachou 73		391-2200	
6 tháng ~ 5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
17	Matsu Gaoka Hoikusho						Công lập	Matsudoshinden 554-2		368-9191	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Cơ sở giữ trẻ tự nhân

Khu vực Matsudo, Yakiri, Kitamatsudo, Wanagaya

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ		Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
101	Kohitsuji Hoikuen						Pháp nhân	Kamiyakiri 113		362-5916	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
102	Dai-ichi Heiwa Hoikuen						Pháp nhân	Matsudo 2283-2		367-0123	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 8 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
103	Dai-ni Heiwa Hoikuen						Pháp nhân	Matsudo 1394		367-0105	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											
105	Matsudo Midori Hoikuen						Pháp nhân	Nakaicho 1-32-6		308-2866	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:30~20:00 (T.Bảy) 7:30~18:30											

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
114	Kamihongo Hoikuen						Pháp nhân	Kamihongo 2292		366-0675	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
115	Tsubomi Hoikuen						Pháp nhân	Kamiyakiri 1101-2		368-7811	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
120	Matsudo Minami Hoikuen						Pháp nhân	Koyama 523-5		368-0366	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
128	Hoikuen Kibou No Takara						Pháp nhân	Honcho 13-9		308-3088	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
135	Wanagawa Himawari Hoikuen						Pháp nhân	Wanagaya 1104-1		711-6603	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
139	Hoikuen Kibou No Tsubasa						Pháp nhân	Nemoto 12-16		710-9939	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
146	Dai-san Heiwa Hoikuen						Pháp nhân	Konemoto 161-3		710-6651	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 6 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
147	Keiya Kids Hoikuen						Pháp nhân	Kogasaki 1-3073		703-8805	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
152	Matsudo Yuinohi Hoikuen						Pháp nhân	Honcho 13-20		712-0800	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											
153	Heiwa Nonohana Hoikuen						Pháp nhân	Matsudo 1331-10		710-0355	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Matsudo, Yakiri, Kitamatsudo, Wanagaya

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
161	Keiya Kids Baby Room						Pháp nhân	Honchou 12-17 Akimoto Biru 1F			368-5120	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Hoikuen Kibou no Takara					

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
165	Heiwa Olive Hoikushitu						Pháp nhân	Matsudo 1333 Cosmo Matsudo Station Square 109	712-1933
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00		(T.Bây)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Dai-ichi Heiwa Hoikuen Nơi liên kết② Dai-ni Heiwa Hoikuen Nơi liên kết③ Dai-san Heiwa Hoikuen			
166	Sawarabi Kodomoen Kitamatsudo Room						Pháp nhân	Kamihongo 867-5 Sapoores Kitamatsudo 101	712-2180
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00		(T.Bây)Sawarabi Kodomoen				Nơi liên kết① Sawarabi Kodomoen		Nơi liên kết① Sakae Yochien	
169	Heiwa Kobato Hoikushitsu						Pháp nhân	Matsudo 1227-1 Anseie Matsudo 2F	712-2620
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00		(T.Bây)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Dai-ichi Heiwa Hoikuen Nơi liên kết② Dai-ni Heiwa Hoikuen Nơi liên kết③ Dai-san Heiwa Hoikuen			
170	Heiwa Chiiroba Hoikushitsu						Pháp nhân	Matsudo 1227-1 Anseie Matsudo 2F	712-2621
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00		(T.Bây)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Dai-ichi Heiwa Hoikuen Nơi liên kết② Dai-ni Heiwa Hoikuen Nơi liên kết③ Dai-san Heiwa Hoikuen			
172	Nogikuno Kodomoen Matsudo Station Room						Pháp nhân	Nemoto 2-16 Amusu Matsudo Burantiiku 2F	330-2031
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00						Nơi liên kết① Nogikuno Kodomoen		Nơi liên kết① Sakae Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien	
173	Doremi Room						Pháp nhân	Nogikuno 7-2 1F	712-0883
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe (Nogikuno Kodomoen/ Ferry Room dùng chung)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00		(T.Bây)Nogikuno Kodomoen				Nơi liên kết① Nogikuno Kodomoen			
174	Keya Kids Smile Room						Pháp nhân	Nemoto 12-2	710-6336
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00		(T.Bây) Keiya Kids Baby Room				Nơi liên kết① Hoikuen Kiboutsubasa			
175	Yuimaaru Hoikuen						Doanh nghiệp	Matsudo 1129-1 Nyuupaurisuta Biru 1F	362-2215
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây)7:00~18:30						Nơi liên kết① Dai-ichi Heiwa Hoikuen Nơi liên kết② Kohitsuji Hoikuen			
176	Kamihongo Hoikuen Himawari Room						Pháp nhân	Kamihongo 907-4 Aabanraifu Yasuda	368-2305
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00		(T.Bây)Kamihongo Hoikuen				Nơi liên kết① Kamihongo Hoikuen			
177	Pikkoriino Hoikuen						Pháp nhân	Kamihongo 2672-9 Shinkeisei Kamihongo Eki Biru 2F	712-1152
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu)7:30~19:30 (T.Bây) 7:30~18:30		(T.Bây)Matsudo Midori Hoikuen				Nơi liên kết① Matsudo Midori Hoikuen			
180	Heiwa Kashinoki Hoikushitsu						Pháp nhân	Matsudo 1333 Kosumo Matsudo Station Square 108	712-1935
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00		(T.Bây)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Dai-ichi Heiwa Hoikuen Nơi liên kết② Dai-ni Heiwa Hoikuen Nơi liên kết③ Dai-san Heiwa Hoikuen			
188	Ohana Kids Room Yakiri						Doanh nghiệp	Miyakodai 3-190 Miyakodai Biru 1F	711-6201
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00						Nơi liên kết① Kohitsuji Hoikuen		Nơi liên kết① Kakinoki Yochien	

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ		Điện thoại (Mã vùng: 04)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi		Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
192	Hinata Hoikuen						NPO	Shimoyakiri 75-1 Yakiri Biru 1F			710-0611	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Kohitsuji Hoikuen Nơi liên kết② Nagomi Hoikuen			Nơi liên kết① Kakinoki Yochien		
194	Yumeiro Room (Nogikuno Kodomoen Matsudo Eki Nishiguchi Room)						Pháp nhân	Honchou 14-18 Matsudo Toshio Biru 1F			382-6870	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Nogikuno Kodomoen Cửa Tây ga Matsudo				Nơi liên kết① Nogikuno Kodomoen			Nơi liên kết① Sakae Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien		
197	Heiwa Koeda Hoikushitsu						Pháp nhân	Matsudo 1227-1 Anseie Matsudo 3F			382-5001	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Dai-ichi Heiwa Hoikuen Nơi liên kết② Dai-ni Heiwa Hoikuen Nơi liên kết③ Dai-san Heiwa Hoikuen					
198	Heiwa Minori Hoikushitsu						Pháp nhân	Matsudo 1227-1 Anseie Matsudo 3F			382-5002	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Dai-ichi Heiwa Hoikuen Nơi liên kết② Dai-ni Heiwa Hoikuen Nơi liên kết③ Dai-san Heiwa Hoikuen					
1204	Koyama Hoiku Room						Pháp nhân	Koyama 257-1			393-8615	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy) Matsudo Minami Hoikuen				Nơi liên kết① Matsudo Minami Hoikuen					
1207	Tsubomi Room						Pháp nhân	Kamiyakiri 1131			712-2020	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Tsubomi Hoikuen				Nơi liên kết① Tsubomi Hoikuen					
1208	Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-ichi						Doanh nghiệp	Matsudo 1139-2 2F			369-7362	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Miyako Yochien		
1209	Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-ni						Doanh nghiệp	Matsudo 1139-2 2F			369-7362	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy) Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-ichi							Nơi liên kết① Miyako Yochien		
1218	Wanagawa Himawari Hoikuen Korokudai Room						Pháp nhân	Korokudai 326-40			315-7063	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Wanagaya Himawari Hoikuen				Nơi liên kết① Wanagaya Himawari Hoikuen					
1219	Miruku Hoikuen						Pháp nhân	Miyakodai 5-13-6			710-8411	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Tsubomi Hoikuen					
1224	Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-san						Doanh nghiệp	Matsudo 1139-2 2F			369-7362	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Miyako Yochien		
1225	Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-yon						Doanh nghiệp	Matsudo 1139-2 2F			369-7362	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-san							Nơi liên kết① Miyako Yochien		

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
1227	Hoikuen Kibou No Sora						Pháp nhân	Honcho 6-10 Riberute Matsudo 101	703-7113
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Hoikuen Kiboutakara				Nơi liên kết① Hoikuen Kiboutakara		
1240	Furu-ru Hoikuen Matsudoekimae						Doanh nghiệp	Honcho 17-7 Matsuba Biru 2F	710-4630
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Sakae Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1242	Enzeru Hikara Hoikuen Matsudo						Doanh nghiệp	Honcho 20-10	382-6277
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Maruyama Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1244	Kitamatsudo Niko Niko Hoikuen						Doanh nghiệp	Kamihongo 891 Kotobukiya Biru 1F	710-6776
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Senshu Daigaku Matsudo Yochien
1248	Ferry Room						Pháp nhân	Nogikuro 7-2 2F	308-5900
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe (Nogikuno Kodomoen, Doremi Room dùng chung)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Nogikuno Kodomoen				Nơi liên kết① Nogikuno Kodomoen		
1249	Enzeru Kirari Hoikuen Matsudo						Doanh nghiệp	Honcho 20-10	382-6721
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Enzeru Hikara Hoikuen Matsudo						Nơi liên kết① Maruyama Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1256	Mitsuboshi Room Masudo Eki Higashiguchi						Pháp nhân	Nemoto 466-3 Dai-ni Keiyo Biru 1F	711-8941
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Maruyama Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1259	Enzeru Karumia Hoikuen Kamihongo						Doanh nghiệp	Kamihongo 4060	712-1020
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Enzeru Fukushima Hoikuen Kamihongo)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Senshu Daigaku Matsudo Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1260	Enzeru Fukushia Hoikuen Kamihongo						Doanh nghiệp	Kamihongo 4060	712-1790
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Enzeru Karumia Hoikuen Kamihongo)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Senshu Daigaku Matsudo Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1261	Kokori no Mori Hoikuen Shinden Dai-ichi						Doanh nghiệp	Matsudo Shinden 94-142	703-5800
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Kokori no Mori Hoikuen Shinden Dai-ichi)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Maruyama Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1262	Kokori no Mori Hoikuen Shinden Dai-ni						Doanh nghiệp	Matsudo Shinden 94-142	711-8837
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Kokori no Mori Hoikuen Shinden Dai-ni)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy) Kokori no Mori Hoikuen Shinden Dai-ichi						Nơi liên kết① Maruyama Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1266	Petit Lic Minori En						Doanh nghiệp	Nijyuuisseiki Gaoka Minoricho 25	050-1741-6060
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Maruyama Yochien

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1277	Matsudo Child Hoikuen						Doanh nghiệp	Konemoto 20-21			393-8100	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Maruyama Yochien		
1279	Mitsuboshi Room Kitamasudo						Pháp nhân	Kamihongo 901-4 Arrow Kitamatsudo 27 Bankan 2F			712-1121	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy) Mitsuboshi Room Masudo Eki Higashiguchi							Nơi liên kết① Sakae Yochien Nơi liên kết② Senshu Daigaku Matsudo Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Matsudo, Yakiri, Kitamatsudo, Wanagaya

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1005	Nogikuno Kodomoen						Pháp nhân	Nogikuno 5			365-8385	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe (dùng chung Doremi Room, Ferry Room)			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Khu vực Kogasaki, Mabashi, Shinmatsudo

- Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.
- Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.
- Đây là danh sách tại thời điểm ngày 6 tháng 10 năm 2025. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ

<Phân loại> Ⅰ Công lập Ⅱ Tp Matsudo lập Ⅲ Pháp nhân Ⅳ Do trường học hoặc tổ chức phúc lợi xã hội lập Ⅴ Doanh nghiệp Ⅵ Công ty cổ phần hoặc TNHH lập Ⅶ NPO Ⅷ Do tổ chức phi lợi nhuận lập Ⅷ Cá nhân Ⅷ Cá nhân lập

<Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi sẽ được tính theo tuổi tại tời điểm ngày 1 tháng 4 của năm đăng ký.)

<Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu (※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.

<Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ

Cơ sở giữ trẻ công lập

Khu vực Kogasaki, Mabashi, Shinmatsudo

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
11	Mabashi Nishi Hoikusho						Công lập	Nishimabashi Hirotechou 123	344-8001
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
12	Kogasaki Hoikusho						Công lập	Kogasaki 4-3617	367-9981
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
19	Shinmatsudo Chuo Hoikusho						Công lập	Shinmatsudo 3-111	344-7221
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
21	Shinmatsudo Minamibu Hoikusho						Công lập	Shinmatsudo Minami 2-17	344-0010
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
23	Shinmatsudo Kita Hoikusho						Công lập	Shinmatsudo 7-145-3	346-5161
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
24	Kogasaki Dai-ni Hoikusho						Công lập	Kogasaki 1-2994-2	363-4004
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									

Cơ sở giữ trẻ tư nhân

Khu vực Kogasaki, Mabashi, Shinmatsudo

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
5	Mabashi Hoikuen						Pháp nhân	Mikazuki 1534			342-1097	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
113	Shinmatsudo Grace Hoikuen Baby Home						Pháp nhân	Shinmatsudo 6-118-1			344-3222	
Sau nghỉ sinh-2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 5 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Koganenishi Grace Kodomoen				Nơi liên kết① Koganenishi Grace Kodomoen					

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 04		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
116	Iwasaki Hoikuen						Pháp nhân	Nishimabashi 3-49-2		341-0941	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
119	Keyaki No Mori Hoikuen						Pháp nhân	Nakawakura 331		344-5026	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 10 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
121	Matsudo Hibari Hoikuen						Pháp nhân	Nishimabashi 1-28-16		346-0336	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Mabashi Hoikuen				
126	Toshin Pop Kids						Pháp nhân	Shinmatsudo 1-345-2		340-3434	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
133	Kosumosu Hoikuen						Pháp nhân	Sakaechou Nishi 3-1049		367-7775	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 10 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
141	Minami Shinmatsudo Hoikuen						Pháp nhân	Shinmatsudo 1-82		340-3730	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 6 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
145	Yumenomi Hoikuen						Pháp nhân	Nishimabashi Kuramotocho 134-1		701-7755	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
148	Naasari School Izumu Shinmatsudo						Pháp nhân	Shinmatsudo Kita 1-11-15		382-6612	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 9 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											
149	Keyaki No Mori Hoikuen Mabashi						Pháp nhân	Shinzaku 1-1035-2		330-0084	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 12 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
150	Yumenomi Hoikuen						Pháp nhân	Shinmatsudo 4-31-1		711-6655	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Kogasaki, Mabashi, Shinmatsudo

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
164	Shinmatsudo Yochien Ohisama Room						Pháp nhân	Shinmatsudo 3-256			344-4199	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên		Có đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:30~18:30 (T.Bảy) 7:30~18:30										Nơi liên kết① Shinmatsudo Yochien		

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)			
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
167	Sawarabi Dream Kodomoen Mabashi Room						Pháp nhân	Mabashi 179-1 Mabashi Station Mall 1F B2			712-1745	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe (dùng chung Mabashi Dai-ni Room)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Sawarabi Kodomoen Nơi liên kết② Sawarabi Dream Kodomoen			Nơi liên kết① Sakae Yochien		
171	Hoshi No Ouchi Shinmatsudo						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 3-129-1			712-2494	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Minami Shinmatsudo Hoikuen			Nơi liên kết① Daishoin Yochien		
179	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 1-186 Dai-ni Royal Mansion 101			382-6501	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen					
181	Mirukii Home Shinmatsudo En						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 4-28-1 Jyuneshion Shinmatsudo 1F			344-4248	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Minami Shinmatsudo Hoikuen					
185	Sawarabi Dream Kodomoen Mabashi Dai-ni Room						Pháp nhân	Mabashi 179-1 Mabashi Station Mall 1F B1			710-9880	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe (dùng chung Mabashi Room)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Sawarabi Dream Kodomoen Mabashi Room				Nơi liên kết① Sawarabi Dream Kodomoen					
187	Keyaki No Mori Hoikuen Sendabori						Pháp nhân	Sendabori 1598			374-6605	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Keyaki No Mori Hoikuen				Nơi liên kết① Keyaki No Mori Hoikuen					
189	Keishin no Hoikuen HOPPA Shinmatsudo En						Doanh nghiệp	Futatsugi 757-1 Rakkufiirudo 1F			393-8501	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Minami Shinmatsudo Hoikuen					
199	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Dai-ni Room						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 1-232			382-6844	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen			Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien		
1201	Shinmatsudo Suzuran Hoikuen						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 3-127			712-1970	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Yumenomi Hoikuen			Nơi liên kết① Tozenji Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Yochien Nơi liên kết③ Iwasaki Dai-ni Yochien		
1202	Yuimaaru Hoikuen Nakawakura						Doanh nghiệp	Nakawakura 175-2			712-1507	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu)7:30~18:30 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Yumenomi Hoikuen					
1210	Itaru Room						Pháp nhân	Sakaechou 3-183 1F			382-6330	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 18 xe (dùng chung Sawarabi Kodomoen)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Sawarabi Kodomoen				Nơi liên kết① Sawarabi Kodomoen					
1211	Nobiro Room						Pháp nhân	Sakaechou 3-183 2F			382-6331	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 18 xe (dùng chung Sawarabi Kodomoen)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Sawarabi Kodomoen				Nơi liên kết① Sawarabi Kodomoen					

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
1212	Sakaecho Room						Pháp nhân	Sakaechou 3-183 3F	382-6332
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 18 xe (dùng chung Sawarabi Kodomoen)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Sawarabi Kodomoen				Nơi liên kết① Sawarabi Kodomoen		
1214	Kokori No Mori Hoikuen Shinmatsudo						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 6-1-1	342-8008
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Naasari School Izumu Shinmatsudo		Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien Nơi liên kết③ Dai-ni Kakinoki Yochien
1215	Shinmatsudo Dai-ni Suzuran Hoikuen						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 5-158-1	710-5082
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Naasari School Izumu Shinmatsudo		Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien
1217	Kosumosu Baby Room Mabashi						Doanh nghiệp	Nishimabashi Hirotecho 40-1 Shuei Biru 102	711-5510
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien Nơi liên kết③ Sakae Yochien
1223	Shinmatsudo Nanohana Room						Pháp nhân	Shinmatsudo 1-486 202	702-7608
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Nagomi Hoikuen		
1228	Shinmatsudo Nikoniko Hoikuen						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 4-204	711-8878
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Miyaoka Yochien
1229	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Dai-san Room						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 1-186 Dai-ni Royal Mansion 103	711-8092
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		Nơi liên kết① Daishoin Yochien
1236	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Chuo Koen						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 6-9 Esute-to Shinmatsudo 25 1F	710-3967
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Kosumosu Baby Room Mabashi				Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		
1241	Enzeru Tsukino Hoikuen Mabashi						Doanh nghiệp	Nishimabashi 1-14-5	703-7112
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien
1243	Ohana Kids Room Mabashi						Doanh nghiệp	Nishimabashi Aikawacho Crane Hills 101	394-4576
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien
1246	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Yurinoki Doori						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 3-270 Sun Heim Koyo 1F	710-0826
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Yurinoki Doori Dai-ni Room				Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		Nơi liên kết① Daishoin Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Yochien Nơi liên kết③ Iwasaki Dai-ni Yochien Nơi liên kết④ Sakae Yochien
1253	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Yurinoki Doori Dai-ni Room						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 3-270 Sun Heim Koyo 1F	710-0650
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Yurinoki Doori				Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		Nơi liên kết① Daishoin Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Yochien Nơi liên kết③ Iwasaki Dai-ni Yochien Nơi liên kết④ Sakae Yochien

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ		Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
1263	Shinmatsudo Hamonika Hoikuen						NPO	Shinmatsudo 3-1-1 Park House Shinmatsudo 311		712-2671	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien		
1264	Try Kids Hoikuen Shinmatsudo						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 4-51 Maruyama Biru 1F		701-7090	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien		
1282	Enzeru Satsuki Hoikuen Mabashi						Doanh nghiệp	Matsudo shi Mabashi 312-3		710-0565	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Senshu Daigaku Matsudo Yochien		
1284	Petit Lic Shinmatsudo En						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 4-52-3 Ko-yo- Dai-yon Biru		050-1745-1700	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Daishoin Yochien Nơi liên kết② Miyaoka Yochien		
1285	Hoikuen Iki Iki Kids						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 4-80		711-8012	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Daishoin Yochien Nơi liên kết② Miyaoka Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Kogasaki, Mabashi, Shinmatsudo

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ		Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu	
1007	Koganenishi Grace Kodomoen						Pháp nhân	Shinmatsudokita 2-11-3			345-4994
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 11 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
1008	Sawarabi Kodomoen						Pháp nhân	Sakaemachi 3-185-1			362-1530
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 18 xe (dùng chung Sawarabi Dream Kodomoen)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
1009	Sawarabi Dream Kodomoen						Pháp nhân	Sakaemachi 3-185-1			703-3838
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 18 xe (dùng chung Sawarabi Kodomoen)		
(T.Hai~T.Sáu)7:00~24:00 (T.Bảy)7:00~22:00			(T.Bảy)Sawarabi Kodomoen								
1011	Nhà trẻ phức hợp Chiba (Sendabori Sendan Yochien)						Cá nhân	Sendabori 1865			341-6882
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											

Khu vực Kogane, Koganehara

- Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.
- Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.
- Đây là danh sách tại thời điểm ngày 6 tháng 10 năm 2025. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ

<Phân loại> 「Công lập」Tp Matsudo lập 「Pháp nhân」Do trường học hoặc tổ chức phúc lợi xã hội lập 「Doanh nghiệp」Công ty cổ phần hoặc TNHH lập 「NPO」Do tổ chức phi lợi nhuận lập 「Cá nhân」Cá nhân lập

<Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi sẽ được tính theo tuổi tại tời điểm ngày 1 tháng 4 của năm đăng ký.)

<Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu (※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.

<Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ

Cơ sở giữ trẻ công lập Khu vực Kogane, Koganehara

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
4	Koganehara Hoikusho						Công lập	Koganehara 6-4-2			341-2643	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
7	Koala Hoikusho						Công lập	Koganehara 4-6			343-1262	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
14	Kogane Kita Hoikusho						Công lập	Nakakanasugi 3-192			344-4155	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	3 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Cơ sở giữ trẻ tư nhân Khu vực Kogane, Koganehara

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ		Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi		Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
3	Kogane Hoikuen						Pháp nhân	Kogane 444-54			341-2644	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
22	Keyaki No Mori Hoikuen Kai No Hana						Pháp nhân	Koganehara 8-11-1			344-0020	
Sau nghỉ sinh-5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
112	Sakura Hoikuen						Pháp nhân	Koganehara 4-37-15			342-0661	
Sau nghỉ sinh-5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	3 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
118	Wakashiba Hoikuen						Pháp nhân	Koganehara 8-19-20			343-1762	
Sau nghỉ sinh-2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	5 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Hanamizuki Kodomoen					
143	Ooganedaira Grace Hoikuen						Pháp nhân	Ooganedaira 3-132-1			382-6181	
Sau nghỉ sinh-5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe	7 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Kogane, Koganehara

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
178	Kitakogane Grace Kodomoen Nooche Room						Pháp nhân	Kogane 2 Kitakogane Pikoti Nishi-kan 108		711-5780	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 9 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Kitakogane Grace Kodomoen				Nơi liên kết① Kitakogane Grace Kodomoen				
1206	Kogane Joushi Grace Hoikuen Nooche Room						Pháp nhân	Yokosuka 1-20-2		711-9120	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Ooganedaira Grace Hoikuen				Nơi liên kết① Ooganedaira Grace Hoikuen				
1221	Minami Kitakogane Hoikushitsu						Pháp nhân	Kogane 2 Kitakogane Pikoti Nishi-kan 111		382-5140	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Minami Shinmatsudo Hoikuen				Nơi liên kết① Minami Shinmatsudo Hoikuen		Nơi liên kết① Tozenji Yochien		
1232	Minami Kitakogane Dai-ni Hoikushitsu						Pháp nhân	Kogane 2 Kitakogane Pikoti Nishi-kan 206・207		710-8886	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Minami Shinmatsudo Hoikuen				Nơi liên kết① Minami Shinmatsudo Hoikuen		Nơi liên kết① Tozenji Yochien		
1233	Kokorinomori Hoikuen Kitakogane						Doanh nghiệp	Tonohiraga 31 Prade Kitakogane 101		348-8880	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Daishoin Yochien		
1235	Keyaki No Mori Hoikuen Merukaato						Pháp nhân	Hachigasaki 2-8-1 (Trong Terrace Mall)		712-1361	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	Bãi đỗ xe của Terrace Mall	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Keyaki No Mori Hoikuen Kai no Hana				Nơi liên kết① Keyaki No Mori Hoikuen Kai no Hana				
1239	Kitamatsudo Nikoniko Hoikuen						Doanh nghiệp	Koganekiyoshicho 3-33-1		710-0866	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Tozenji Yochien Nơi liên kết② Miyaoka Yochien		
1252	Kosumosu Baby Room Kitakogane						Doanh nghiệp	Kogane 2 Picoty Kitakogane Nishikan 2F 203		712-1137	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Daishoin Yochien Nơi liên kết② Tozenji Yochien		
1254	Sakura Hoikuen Donguri Room						Pháp nhân	Kogane 444-5		710-5911	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Sakura Hoikuen				Nơi liên kết① Sakura Hoikuen		Nơi liên kết① Miyaoka Yochien		
1268	Petit Lic Kitakogane En						Doanh nghiệp	Kogane 2 Picoty Kitakogane Nishikan 112		050-1752-2555	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Petit Lic Kitakogane En Dai-ni						Nơi liên kết① Tozenji Yochien		
1269	Mirai Tsubame Hoikuen						Pháp nhân	Koganehara 4-23-12		369-7715	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Miyaoka Yochien		
1275	Petit Lic Kitakogane En Dai-ni						Doanh nghiệp	Tonohiraga 192-3		050-1743-0555	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Tozenji Yochien		

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1276	Petit Lic Kitakogane En Dai-san						Doanh nghiệp	Kogane Kiyoshigaoka 1-1-2 Ooshima Residence Kitakogane 1-B			050-1743-0666	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Petit Lic Kitakogane En Dai-ni							Nơi liên kết① Tozenji Yochien		
1278	Run Run Room Hoikuen						Doanh nghiệp	Koganehara 7-34-9			710-5123	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00										Nơi liên kết① Miyaoka Yochien		
1283	Run Run Room Hoikuen Kitakogane En						Doanh nghiệp	Koganehara 420 Urban Heights 1F			702-3866	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00										Nơi liên kết① Tozenji Yochien Nơi liên kết② Daishoin Yochien Nơi liên kết③ Miyaoka Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Kogane, Koganehara

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1010	Kitakogane Grace Kodomoen						Pháp nhân	Tonohirga 200-11			348-3880	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Có đồng phục		Có chỗ đỗ xe 9 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Khu vực Yahashira, Tokiwadaira

- Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.
- Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.
- Đây là danh sách tại thời điểm ngày 6 tháng 10 năm 2025. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ

<Phân loại> 「Công lập」Tp Matsudo lập 「Pháp nhân」Do trường học hoặc tổ chức phúc lợi xã hội lập 「Doanh nghiệp」Công ty cổ phần hoặc TNHH lập 「NPO」Do tổ chức phi lợi nhuận lập 「Cá nhân」Cá nhân lập

<Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi sẽ được tính theo tuổi tại tời điểm ngày 1 tháng 4 của năm đăng ký.)

<Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu (※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.

<Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ

Cơ sở giữ trẻ công lập Khu vực Yahashira, Tokiwadaira

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
10	Makinohara Hoikusho						Công lập	Makinohara 2-73	385-0997
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
13	Yabashira Hoikusho						Công lập	Higurashi 4-5-2	392-2955
6 tháng~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
20	Matsuhidai Hoikusho						Công lập	Gokonishi 4-44-1	384-2421
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									

Cơ sở giữ trẻ tư nhân Khu vực Yahashira, Tokiwadaira

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
2	Tokiwadaira Hoikuen						Pháp nhân	Tokiwadaira Nishikubocho 11-7		387-6762	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
104	Minoridai Hoikuen						Pháp nhân	Minoridai 2-12-1		362-5536	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
108	Kosuzume Hoikuen						Pháp nhân	Higurashi 1-8-4		387-9874	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
110	Kanegasaku Hoikuen						Pháp nhân	Kanegasaku 306		385-8863	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
111	Hakkeidai Hoikuen						Pháp nhân	Matsudoshinden 605-58		364-7802	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 6 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
117	Misora Hoikuen						Pháp nhân	Kanegasaku 216-10		384-6959	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 12 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
138	Goko Kosuzume Hoikuen						Pháp nhân	Goko 2-35-8		712-2111	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
144	Tokiwadaira Eki Mae Nasaarii School						Pháp nhân	Tokiwadaira 3-1-1		394-0331	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu)7:00~19:30 (T.Bảy) 7:00~18:00											
151	Kosumosu No Oka Yahashira Hoikuen						Pháp nhân	Tokiwadaira Jinyamae 12-4		700-5154	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Yahashira, TokiWadaira

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ		Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu	
162	KaneGasaku Hoikuen Nanohana Room						Pháp nhân	Tokiwadaira 3-13-3 Suriabenyyuu 1F			701-5313
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① KaneGasaku Hoikuen				
163	Hakkeidai Hoikuen Tanpopo Room						Pháp nhân	Matsudoshinden 373 Garden Bridge 106			710-8135
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Hakkeidai Hoikuen				Nơi liên kết① Hakkeidai Hoikuen				
168	Hanamizuki Kodomoen Yahashira Room						Pháp nhân	Higurashi 2-3-15 Green Plaza Yahashira Dai-ichi 101			711-9155
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Hanamizuki Kodomoen				
182	KaneGasaku Hoikuen Motoyama Eki Nanohana Room						Pháp nhân	Goko Minami 1-5-1 Shinkeisei Motoyama Eki Biru 3F			712-2601
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① KaneGasaku Hoikuen				
183	Tokiwadaira Hoikuen Sakuranbo Room						Pháp nhân	Tokiwadaira 2-9-3 Clover Leaf 1F			702-3212
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Tokiwadaira Hoikuen(※)				Nơi liên kết① Tokiwadaira Hoikuen				
186	Hanamizuki Kodomoen Goko Room						Pháp nhân	Tokiwadaira 5-11-23 Inshuransu Biru 2 102			711-9975
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Hanamizuki Kodomoen				Nơi liên kết① Hanamizuki Kodomoen				
190	Minoridai Enzeru Hoikuen						Doanh nghiệp	Minoridai 7-14-3 Enzeru 21 1F			368-3377
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Minoridai Hoikuen			Nơi liên kết① Meiwa Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien	

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
196	Higurashi Chuo Hoikuen						Doanh nghiệp	Higurashi 5-190 Dream Yahashira 2F	394-5558
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Tokiwadaira Eki Mae Naasarii School	Nơi liên kết① Yabashira Yochien	
200	Kids Room Izumi Matsudoshinden						Doanh nghiệp	Matsudoshinden 256-24 Nyuukusano 1F	703-7190
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Naasari School Izumu Shinmatsudo				Nơi liên kết① Naasari School Izumu Shinmatsudo	Nơi liên kết① Meiwa Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien	
1216	Higurashi Dai-ni Chuo Hoikuen						Doanh nghiệp	Higurashi 5-190 Dream Yahashira 1F	710-0522
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Tokiwadaira Eki Mae Naasarii School	Nơi liên kết① Yabashira Yochien	
1230	Yotsuba Room						Pháp nhân	Higurashi 3-10-42	711-9400
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Hakkeidai Hoikuen				Nơi liên kết① Hakkeidai Hoikuen		
1231	Enzeru Shirayuri Hoikuen Yahashira						Doanh nghiệp	Higurashi 3-2-1	391-3877
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00								Nơi liên kết① Meiwa Yochien Nơi liên kết② Yabashira Yochien	
1237	Yahashira Station Room						Pháp nhân	Higurashi 5-183 Someya Biru 1F	369-7128
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Hanamizuki Kodomoen		
1247	Milky Home Goko En						Doanh nghiệp	Tokiwadaira 6-3-15	311-5500
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu)7:30~19:00 (T.Bảy)7:30~19:00								Nơi liên kết① Asahi Yochien Nơi liên kết② Tokiwadaira Yochien	
1250	Kokori no Mori Hoikuen Goko						Doanh nghiệp	Gokonishi 1-15-24	384-8788
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00								Nơi liên kết① Asahi Yochien	
1255	Higurashi Dai-san Chuo Hoikuen Yahashira Eki En						Doanh nghiệp	Higurashi 1-1-2 Yahashira Eki Dai-ichi Biru 2F Room B	701-7110
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Kosumosu No Oka Yahashira Hoikuen	Nơi liên kết① Yabashira Yochien	
1257	Mirai Matsudo Hoikuen						Pháp nhân	Tokiwadaira 7-31-26	383-0240
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00								Nơi liên kết① Asahi Yochien	
1258	Yuimaru Hoikuen Minoridai						Doanh nghiệp	Minoridai 7-58-16	711-7101
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe
(T.Hai~T.Sáu)7:30~18:30 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Minoridai Hoikuen	Nơi liên kết① Meiwa Yochien	
1267	Kokori no Mori Hoikuen Goko Higashiguchi						Doanh nghiệp	Kanegasaku 408-318	711-8898
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00								Nơi liên kết① Kitaoka Yochien	

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi		Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1272	Kosumosu Baby Room Tokiwadaira						Doanh nghiệp	Tokiwadaira 1-29-3 Tokiwadaira Eki Biru 2F Room D			711-9731	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Kitaoka Yochien		
1273	RuRi Matsudo Hoikuen						Doanh nghiệp	Tokiwadaira 3-10-1 Seven Town Tokiwadaira 207 Kukaku			711-6277	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Kitaoka Yochien		
1280	Kokori no Mori Hoikuen Tokiwadaira						Doanh nghiệp	Tokiwadaira 1-22-5			703-8880	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Takagi Yochien		
1281	Asobi no Tensai Goko Higashi Hoikuen						Doanh nghiệp	Goko 6-1-9			712-2833	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Takagi Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Yahashira, Tokiwadaira

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1001	Nhà trẻ phức hợp Matsudo (Sendan Yochien)						Pháp nhân	Tokiwadaira 2-31-2			387-0875	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Có đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00												
1003	Hanamizuki Kodomoen						Pháp nhân	Tokiwadaira 3-25-2			383-8731	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 12 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
1004	Nhà trẻ phức hợp Tokyo (Maki no Hara Sendan Yochien)						Pháp nhân	Maki no Hara 2-5			385-0907	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Có đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00												

Khu vực Higashimatsudo, Akiyama

- Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.
 - Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.
 - Đây là danh sách tại thời điểm ngày 6 tháng 10 năm 2025. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ
- <Phân loại> 「Công lập」Tp Matsudo lập 「Pháp nhân」Do trường học hoặc tổ chức phúc lợi xã hội lập 「Doanh nghiệp」Công ty cổ phần hoặc TNHH lập 「NPO」Do tổ chức phi lợi nhuận lập 「Cá nhân」Cá nhân lập
- <Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi sẽ được tính theo tuổi tại tời điểm ngày 1 tháng 4 của năm đăng ký.)
- <Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu (※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.
- <Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ

Cơ sở giữ trẻ công lập

Khu vực Higashimatsudo, Akiyama

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi		Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
8	Rikoudai Hoikusho						Công lập	Takatsukashinden 494-9			391-3710	
6 tháng~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Cơ sở giữ trẻ tư nhân

Khu vực Higashimatsudo, Akiyama

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
124	Higashimatsudo Hoikuen						Pháp nhân	Kamishiki 3-8-11	387-4001
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
125	Globally Kids						Pháp nhân	Takatsukashinden 450-11	312-8228
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									
127	Yuwa Hoikuen						Pháp nhân	Kamishiki 1194-4	711-6913
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
130	Nashi No Hana Hoikuen						Pháp nhân	Takatsukashinden 488-10	711-9880
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 10 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
134	Oto No Yurikago Hoikuen						Pháp nhân	Higashimatsudo 1-2-34	712-1056
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									
136	Ouka Hoikuen						Pháp nhân	Higashimatsudo 2-16-4	383-8555
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe
(T.Hai~T.Sáu)7:30~19:30 (T.Bảy) 7:30~18:30									
137	Akiyama・Manabi No Hoikuen						Pháp nhân	Akiyama 2-5-1	710-8623
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
140	Toshin World Kids						Pháp nhân	Kamishiki 1-38-8			369-7775	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
142	Nagomi Hoikuen						Pháp nhân	Akiyama 45-2			710-7753	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Higashimatsudo, Akiyama

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe	
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu	
193	Higashimatsudo Nikoniko Hoikuen						Doanh nghiệp	Higashimatsudo 1-2-3		710-3636
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Akiyama・Manabi Hoikuen		Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien	
195	Hohoemi Hoikuen						Doanh nghiệp	Akiyama 1-11-10		312-7623
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Nagomi Hoikuen		Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien	
1203	Dolce Room Matsuhidai						Pháp nhân	Kamishiki 1-29-5 Bên trong ga Matsuhidai tuyến Hokuso		388-5050
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Higashimatsudo Hoikuen (※)				Nơi liên kết① Yuwa Hoikuen Nơi liên kết② Oto No Yurikago Hoikuen Nơi liên kết③ Higashimatsudo Hoikuen	Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien		
1205	Hoikuen Otoginoshiro						Pháp nhân	Higashimatsudo 2-2-14		702-7770
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:30~19:30 (T.Bảy) 7:30~18:30			(T.Bảy)Kagayaki no Mori Yochisha				Nơi liên kết① Kagayaki no Mori Yochisha			
1213	Friend Kids Land Higashimatsudo En						Doanh nghiệp	Higashimatsudo 4-8-6		701-7695
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien Nơi liên kết③ Meiwa Yochien	
1222	Dolce Room Higashimatsudo						Pháp nhân	Higashimatsudo 3-6-11 ReLa Higashimatsudo 1F		712-0871
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Yuwa Hoikuen (※)				Nơi liên kết① Yuwa Hoikuen Nơi liên kết② Oto No Yurikago Hoikuen Nơi liên kết③ Higashimatsudo Hoikuen	Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien		
1226	Nashi no Hana Rainbow Room						Pháp nhân	Akiyama 2-3-3		701-8780
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Nashi No Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Nashi No Hana Hoikuen			
1238	Dolce Room						Pháp nhân	Higashimatsudo 1-8-7 Regina Residence 1F		710-7371
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Oto No Yurikago Hoikuen (※)				Nơi liên kết① Yuwa Hoikuen Nơi liên kết② Oto No Yurikago Hoikuen Nơi liên kết③ Higashi matsudo Hoikuen	Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien		
1245	Kokori no Mori Hoikuen Higashimatsudo						Doanh nghiệp	Higashi Matsudo 4-9-1		392-0889
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 20 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Hongenji Yochien Nơi liên kết② Meiwa Yochien	

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1265	Dolce Room Kanon						Pháp nhân	Higashimatsudo 3-2-1 Alfrente 2F			711-8652	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00		(T.Bảy)Yuwa Hoikuen (※)					Nơi liên kết① Yuwa Hoikuen Nơi liên kết② Oto No Yurikago Hoikuen Nơi liên kết③ Higashimatsudo Hoikuen			Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien		
1270	Kokori no Mori Hoikuen Akiyama						Doanh nghiệp	Akiyama 1-12-12			701-8884	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Takatsuka Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Higashimatsudo, Akiyama

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1002	Kagayaki no Mori Yochisha						Pháp nhân	Kamishiki 1080-1			710-0002	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu)7:30~19:30 (T.Bảy) 7:30~18:30												
1006	Nhà trẻ phức hợp Kaze no oka						Pháp nhân	Oohashi 300-1			375-8440	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 8 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Khu vực Mutsumi

- Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.
 - Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.
 - Đây là danh sách tại thời điểm ngày 6 tháng 10 năm 2025. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ
- <Phân loại> Ⅰ Công lậpⅡTp Matsudo lập Ⅲ Pháp nhânⅣDo trường học hoặc tổ chức phúc lợi xã hội lập Ⅴ Doanh nghiệpⅥCông ty cổ phần hoặc TNHH lập Ⅶ NPOⅧDo tổ chức phi lợi nhuận lập Ⅰ Cá nhânⅡCá nhân lập
- <Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi sẽ được tính theo tuổi tại tời điểm ngày 1 tháng 4 của năm đăng ký.)
- <Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu (※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.
- <Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ

Cơ sở giữ trẻ công lập

Khu vực Mutsumi

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe	
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu	
9	Mutsumi Hoikusho						Công lập	Rokkodai 1-40			385-0998
6 tháng~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe	3 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Cơ sở giữ trẻ tư nhân

Khu vực Mutsumi

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
123	Kozen Hoikuen						Pháp nhân	Mutsumi 5-1-1			311-3711	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 12 xe (dùng chung với Kozen Hoikuen Izumi)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Mutsumi

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
184	Kozen Hoikuen Izumi						Pháp nhân	Mutsumi 5-1-6			387-5640	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 12 xe (dùng chung với Kozen Hoikuen)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00		(T.Bảy)Kozen Hoikuen					Nơi liên kết① Kozen Hoikuen					
1251	Kokori no Mori Hoikuen Rokkodai						Doanh nghiệp	Rokkodai 8-41-1			311-7888	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Kokori no Mori Rokkodai Dai-ni)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Mutsumi Yochien		
1271	Kokori no Mori Hoikuen Rokkodai Dai-ni						Doanh nghiệp	Rokkodai 8-41-1			701-8688	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Kokori no Mori Rokkodai)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00		(T.Bảy)Kokori no Mori Hoikuen Rokkodai								Nơi liên kết① Mutsumi Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Mutsumi

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe	
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu	
1012	Takasago School Rokkodai						Pháp nhân	Mutsumi 6-13-2			394-5161
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Có đồng phục		Có chỗ đỗ xe 7 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											